**TUẦN 26**

*Thứ hai ngày 15 tháng 3 năm 2021*

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**TUẦN 26: VỆ SINH NHÀ CỬA**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ:**

**HỘI DIỄN VĂN NGHỆ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- HS bày tỏ tình cảm với bà, với mẹ và cô giáo thông qua việc tham gia các hoạt động văn nghệ.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ khi nói về kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

+ Tham gia tích cực vào hoạt động kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3.

- Năng lực định hướng nghề nghiệp:

+ Hình thành được trách nhiệm khi tham gia các phong kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái( PC1): Yêu quý mẹ, cô giáo và phụ nữ Việt Nam.

- Chăm chỉ( PC3)**:** Tích cực học tập.

- Trách nhiệm( PC4)**:** Có ý thức trách nhiệm về những việc mình đã nêu đã làm để thực hiện cho tốt. Biết kết hợp với các bạn trong nhóm hoàn thành tốt các yêu cầu của GV. Chấp hành tốt các quy định khi tham gia các phong trào của trường lớp.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:

+ Ổn định tổ chức.

+ Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ

+ Đứng nghiêm trang

+ Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

+ Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờm chương trình của tiết chào cờ.

+ Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.

- GV giới thiệu và nhân mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:

+ Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.

+ Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

\* Thực hiện nghi lễ chào cờ

\* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

\* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

\* Góp phần giáo dục một số nội dung : AN toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

\* Gợi ý cách tiến hành:

- Nhà trường tổ chức các hoạt động để chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 - 3, theo kế hoạch và nội dung đã được triển khai đến các lớp từ tuần trước.

- Hội diễn văn nghệ theo các khối lớp hoặc toàn trường.)

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 136: OAI, OAY, OÂY**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

- Nhận biết vần oai, oay, oây; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oai, oay, oây.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần oai, oay, oây) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “Thám tử mèo”.

- Viết đúng các vần oai, oay, oây các tiếng xoài, xoay, khoấy cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần oai, oay, oây

xoài, xoay, khoấy. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Thám tử mèo”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần oai, oay, oây, xoài, xoay, khoấy (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về thám tử mèo. Bài tập đọc“Thám tử mèo”là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước:( PC1): Yêu quý loài vật, thám tử mèo rất đáng được tuyên dương.

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  - Viết lên bảng lớp tên bài oai, oay, oây; Giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ học vần oai, oay, oây  **2. Chia sẻ, khám phá** (BT1: Làm quen)  ***2.1. Dạy vần oai***  - GV giới thiệu vần oai  ***2.2. Dạy vần oay (thực hiện như vần oai)***  ***2.3. Dạy vần oây (thực hiện như vần oai - oay)***  **3. Luyện tập**  ***3.1. Mở rộng vốn từ (BT2: Tìm tiếng chứa vần oai, oay, uây)***  ***3.2. Tập viết (Bảng con – BT 4)***  ***3.3. Tập đọc***  a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Thám tử mèo.  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *nguây nguấy (bộ điệu tỏ ý không bằng long, không đồng ý bằng những động tác như vun vẩy tay chân, lắc đầu, nhúng vai,…), trúng tuyển (thi đậu), buột miệng (không kịp nén lại, tự nhiên nói ra).*  c) Luyện đọc từ ngữ  d) Luyện đọc câu  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn  g) Tìm hiểu bài đọc  **4. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học | - Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài  Học sinh đọc.  Phân tích, đánh vần đọc trơn:  o-a-i-oai/oai  Quan sát tranh, rút từ mới: điện thoại  Phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng thoại: th-oai-thoai-nặng yhoaij/thoại.  So sánh vần oai/oay/uây.  Củng cố: Cả lớp đọc trơn, đánh vần từ khóa: *oai, điện thoại, oay, ghế xoay, uây, khuấy bột.*  HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: *quả xoày, ngoáy lại, ..*  HS làm bài tập trong VBT tìm tiếng chứa vần oai, oay, uây  Cả lớp: *Tiếng xoài chứa vần oai, …*  a) Đọc các vần, tiếng vừa học: oai, oay, uây, xoay, khuấy.  *b) Viết vần*  *oai, oay, uây*  - Một HS đọc vần oai nói cách viết.  - HS quan sát GV hướng dẫn viết vần oăng, cách nối nét giữa o, a và i. Làm tương tự với vần oay, uây.  - HS viết oai, oay, uây (2 lần)  c) Viết tiếng xoài, xoay, khuấy  - GV vừa viết mẫu tiếng xoài, vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa x sang oai, dấu sắc đặt trên chữ a / Làm tương tự với chữ xoay, khuấy.  - HS viết tiếng xoài, xoay, khuấy (2 lần)  HS đọc: ***thám tử, tuyển, nguây nguẩy, loay hoay, hóa trang, trúng tuyển, mừng công, huân chương, khoái chí, buột miệng, đội trưởng.***  Bài đọc có 11 câu (chỉ cách nhận biết câu) Đọc nối tiếp từng câu (đọc 2 câu ngắn). Đọc liền 2 câu: “*Đúng lúc … “Meo!”)*  (đoạn 6 câu/ 4 câu); thi đọc cả bài  - Học sinh đọc YC.  - Làm bài vào VBT.  - Đáp án: Ý b đúng  - Cả lớp đọc: *Mèo được giữ lại ở đội thám tử vì nó có tài.*  Về đọc lại bài đọc cho người thân nghe  Chuẩn bị đọc trước bài mới oong, ooc,uyp. |

**Buổi chiều**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 137: VẦN ÍT GẶP (3 TIẾT)**

*( thực hiện dạy 2 tiết, 1 tiết dạy vào thứ ba)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần ít gặp oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần ít gặp.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oap, vần uâng.

- Viết đúng các vần vừa học trên bảng con.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Ý kiến hay.

*\* Lên lớp 2, HS còn học lại những vần ít gặp nên mức độ ở lớp 1 chỉ là nhận biết. GV không đòi hỏi học sinh lớp 1 phải đọc, viết đúng ngay các vần, tiếng chứa vần ít gặp; cũng không dạy đọc viết quá kĩ những vần này.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Ý kiến hay”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về các con vật rất đáng yêu. Bài tập đọc“Ý kiến hay” là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước:( PC1): Yêu quý loài vật, mỗi con vật đều có nét đáng yêu.

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1, 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  **-** Viết lên bảng lớp tên bài **vần ít gặp**; Giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ học **vần ít gặp.**  **2. Chia sẻ, khám phá** (BT1: Làm quen)  ***2.1. Dạy vần oong***  ***2.2. Dạy vần ooc (thực hiện như vần oong)***  ***2.3. Dạy vần uyp***  ***2.4. Dạy vần oeo***  ***2.5. Dạy vần uêu, oao***  ***2.6. Dạy vần uyu***  ***2.7. Dạy vần oap, uâng***  **3. Luyện tập**  ***3.1. Tập viết (Bảng con – BT 4)***  ***3.2. Học sinh đánh vần, đọc trơn; uêu, oao, uyp, oap, uâng, nguều ngoào, khúc khuỷu, ì oạp, bâng khuâng*** | - HS lắng nghe  - Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài.  - Học sinh quan sát  - Đánh vần (Mời 2 HS làm mẫu, cả lớp nhắc lại): **o (kéo dài) – ngờ - oong**  **-** Phân tích: HS nói cái xoong/ Tiếng xoong có vần oong/ Phân tích vần oong có âm o (kéo dài) đứng trước, âm ng đứng sau.  - (Cá nhân, lớp) cùng thực hiện theo các bạn  - Đánh vần, đọc trơn: **o (kéo dài) – ngờ - oong/ xờ - oong – xoong/ cải xoong.**  - 2 HS phân tích mẫu, cả lớp nhắc lại.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - So sánh vần oong và ooc khác nhau ở âm cuối c.  - Nhìn hình nêu đèn tuýp. Tiếng tuýp có vần uyp.  - Đánh vần, đọc trơn: **u – y – p – uyp/ tờ - uyp – tuyp sắc tuýp/ đèn tuýp.**  - Nhìn hình nêu nguều ngoào. Tiếng nguều có vần uêu. Tiếng ngoào có vần oao.  - Đánh vần, đọc trơn: **u – ê – u – uêu/ ngờ - uêu – nguêu – huyền – nguều// o – a – o – oao/ ngờ - oao – ngoao – huyền – ngoào// nguều ngoào.**  - Nhìn hình nêu khuỷu tay. Tiếng khuỷu có vần uyu.  - Đánh vần, đọc trơn: **u – y – u – uyu/ khờ - uyu – khuyu – hỏi – khuỷu/ khuỷu tay.**  - HS quan sát GV viết bảng vần oap gồm âm o, a, p. Đọc là o – a – pờ - oap.  - HS phân tích vần oap  - Đánh vần: **o – a – pờ - oap/ oap**  - GV viết bảng vần uâng gồm âm u, â, ng. Đọc là **u – â – ng - uâng**.  - HS phân tích vần **uâng**  - Đánh vần: **u – â – ngờ - uâng/ uâng.**  - HS tìm tiếng có chứa vần oap, uâng  - Chỉ những bông hoa chứa chữ, đánh vần đọc trơn: *bóng, khúc khuỷu, bâng khuâng, ì oạp, đàn oóc, boong tàu.*  *-* Cả lớp đánh vần đọc trơn, phân tích vần chứa tiếng vừa tìm được  Đọc các vần, tiếng vừa học  ***a) Viết các vần, tiếng: oong, ooc, cải xoong, quần soóc.***  - 1 HS đánh vần, đọc trơn: oong, nói cách viết  - HS quan sát GV vừa viết vừa hướng dẫn: *Vần oong được tạo nên từ chữ o kéo dài và chữ ng. Chú ý cách nối nét giữa các con chữ.* Làm tương tự với vần ooc được tạo nên từ chữ o kéo dài và c.  - HS viết bảng: oong, ooc (2 lần)  - HS đánh vần đọc trơn cải xoong  - HS quan sát GV hướng dẫn cách viết nối nét giữa các chữ. Làm tương tự với tiếng soóc, dấu sắc đặt trên đầu âm o thứ hai.  - HS viết cải xoong, quần soóc (2 lần)  ***b) Viết các vần, tiếng: uyp, oeo, đèn tuýp, ngoằn ngoèo.***  - 1 HS đánh vần, đọc trơn vần uyp, oeo, nói cách viết  - GV viết mẫu và hướng dẫn: Vần uyp gồm chữ u, y và p. Vần oeo gồm o, e, o. Chú ý nét nối các con chữ.  - HS viết cải uyp, oeo (2 lần)  - 1 HS đánh vần, đọc trơn vần đèn tuýp, ngoằn ngoèo nói cách viết.  - HS quan sát GV hướng dẫn cách viết, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh.  - HS viết cải đèn tuýp, ngoằn ngoèo (2 lần)  a) Viết các vần, tiếng uêu, oao, nguều ngoào, khúc khuỷu  - HS đánh vần, nêu cách viết  - GV hướng dẫn cách viết  - HS viết bảng con 2 lần  b) Viết các vần, tiếng: oap, uâng, ì oạp, bâng khuâng  - HS đánh vần, nêu cách viết  - GV hướng dẫn cách viết  - HS viết bảng con 2 lần  \* Cả lớp đọc trơn 9 vần khó vừa học (SGK chân trang 76)  - Làm VBT đánh dấu tick vào ô trống thích hợp  - HS báo cáo. |

*Thứ ba ngày 16 tháng 3 năm 2021*

**TOÁN: Bài 75: Luyện tập chung**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:

- Đọc, viết và nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.

- So sánh xác định được số lớn nhất, số bé nhất.

- Viết được phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học( NL1):

+ Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận khi so sánh các số có hai chữ số.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học( NL2):

+ Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề về so sánh các số có hai chữ số.

- Năng lực giao tiếp toán học( NL3):

Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ:

+ Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

+ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: Tự giác và chịu trách nhiệm những vấn đề mình quyết định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK Toán 1. Vở bài tập Toán 1.

- Tranh vẽ phóng to các hình trong SGK.

- Phiếu bài tập ghi nội dug bài tập 5.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **HĐ1. Khởi động:**  - Trò chơi: Ai nhanh ai đúng  - GV nêu luật chơi    - GV nhận xét, tuyên dương.  **HĐ2. Thực hành – luyện tập**  **Bài 1. Chọn số phù hợp với mỗi bức tranh: SGK trang 62**  GV nhận xét, chốt đáp án.  **Bài 2. Số? SGK trang 62**  Hướng dẫn làm chung trên lớp câu a.  **Bài 3. SGK trang 63**  <, >, =  Nhận xét,chốt đáp án.  **Bài 4. SGK trang 63**  GV nhận xét , chốt ý đúng.  **HĐ3: Vận dụng**  **Bài 5. Tìm phép tính, nêu câu trả lời - SGK trang 63**  GV nhận xét , chữa bài (nếu cần).  **HĐ4: Củng cố**  **Trò chơi: Hái hoa dân chủ**  GV nêu luật chơi.  GV nhận xét và tuyên dương. | - Mỗi đội tìm số có hai chữ số dán lên phần bàng của đội mình.  - Đại diện đội lên trình bày kết quả, nhận xét, bổ sung (nếu cần).    HS nêu yêu cầu bài toán.  HS làm bài vở bài tập sau đó tự nêu cách ghép số với hình vẽ thích hợp.    HS thực hiện, mời bạn nhận xét.  HS yêu cầu bài toán.  HS làm tự làm các câu còn lại vào vở bài tập.  a. Số 45 gồm 4 chục và 5 đơn vị.  b. Số 99 gồm 9 chục và 9 đơn vị.  a. Số 60 gồm 6 chục và 0 đơn vị.  HS yêu cầu bài toán.  HS làm vở bài tập và nêu kết quả so sánh.  28 37 87 82  69 69 100 97  a. Chọn số lớn nhất trong các số: 42, 39, 9, 80.  a. Chọn số bé nhất trong các số: 65, 27, 86, 100.  HS yêu cầu bài toán.  HS làm vở bài tập và nêu kết quả lựa chọn và giải thích vì sao chọn kết quả đó.  HS đọc đề bài toán.  HS thảo luận nhóm 4.  Kết quả đúng:  9  -  3  =  6  ( cái tem)  HS thực hiện trong phiếu bài tập. Đại diện nhóm trình bày, mời bạn nhận xét.  Nội dung của các bông hoa: Ví dụ  (1) Số có hai chữ số bé nhất là số nào?  (2) Số có hai chữ số lớn nhất là số nào?  (3) Số 9 có phải là số có hai chư số không?  HS tham gia trò chơi |

**TẬP VIẾT (sau bài 136, 137)**

**oai, oay, uây, oong, ooc, oap, xoài, xoay, khuấy, cái xoong, quần soóc, ì oạp**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng các vần **oai, oay, uây, oong, ooc, oap**; từ ngữ **xoài, xoay, khuấy, cái xoong, quần soóc, ì oạp** – kiểu chữ viết thường, cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét.

- Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẫm mĩ khi viết chữ.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc vần, tiếng, từ **oai, oay, uây, oong, ooc, oap**; từ ngữ **xoài, xoay, khuấy, cái xoong, quần soóc, ì oạp**.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường cỡ nhỡ và nhỏ. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần **oai, oay, uây, oong, ooc, oap**; từ ngữ **xoài, xoay, khuấy, cái xoong, quần soóc, ì oạp** (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Tạo tính tự bảo vệ sách vở sạch sẽ, rèn luyện chữ viết.

- Chăm chỉ: Yêu thích và ham học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ học cỡ vừa, cỡ nhỏ.

- Vở luyện viết 2, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  - GV nêu mục đích yêu cầu của bài học  **2. Luyện tập**  ***2.1. Viết chữ cỡ vừa***  ***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***  **3. Củng cố, dặn dò**  GV nhận xét tiết học  Nhắc HS tiếp tục luyện viết | Nghe GV giới thiệu bài  Cả lớp đọc các bài vần và từ ngữ (cỡ vừa): *oai, oay, uây, oog, xoài, xoay, khuấy, cải xoong.*  HS quan sát GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả). GV có thể chia làm 2 chặng, mỗi chặng hướng dẫn học sinh viết 1 cặp vần, từ ngữ.  HS viết vào vở luyện viết, có thể chia thành mỗi chặng 1 cặp vần, từ ngữ.  HS viết vào vở Luyện viết  Cả lớp đọc từ ngữ (cỡ nhỏ): *quần soóc, ì oạp, ooc, oap.*  HS quan sát GV hướng dẫn HS viết các chữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ q, p; khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang một chữ o.  HS viết tiếp vào vở luyện viết; Hoàn thành phần luyện tập thêm.  Nhận xét, chấm bài 1 số vở  Viết vở Luyện viết |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 137: VẦN ÍT GẶP (3 TIẾT)**

*( thực hiện dạy 2 tiết, 1 tiết dạy vào thứ ba)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần ít gặp oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần ít gặp.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oap, vần uâng.

- Viết đúng các vần vừa học trên bảng con.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “Ý kiến hay”.

*\* Lên lớp 2, HS còn học lại những vần ít gặp nên mức độ ở lớp 1 chỉ là nhận biết. GV không đòi hỏi học sinh lớp 1 phải đọc, viết đúng ngay các vần, tiếng chứa vần ít gặp; cũng không dạy đọc viết quá kĩ những vần này.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Ý kiến hay”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về các con vật rất đáng yêu. Bài tập đọc“Ý kiến hay” là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước:( PC1): Yêu quý loài vật, mỗi con vật đều có nét đáng yêu.

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***3.3. Tập đọc***  a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện “Ý kiến hay”, giới thiệu hình ảnh thỏ, mèo, sóc, vượn đang vui chơi trên boong tàu thủy trong đêm trăng.  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *tiu nghỉu (buồn bã, thất vọng vì điều xảy ra trái với dự tính), kiếm vỏ ốc biển (kiếm là tìm kiếm).*  c) Luyện đọc từ ngữ  d) Luyện đọc câu  e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn. Đọc toàn bài  g) Tìm hiểu bài đọc  **4. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học | Lắng nghe GV giới thiệu bài đọc  HS giải nghĩa nếu biết  HS đọc: ***boong tàu, đèn tuýp, đàn oóc, tiu nghỉu, ngoao ngoao, nguều ngoào, ngoằn ngoèo, bâng khuâng, sóng vỗ ì oạp, kiếm vỏ ốc biển.***  Bài đọc có 11 câu (chỉ cách nhận biết câu)  Đọc nối tiếp từng câu  Cá nhân/ nhóm/ lớp  Nêu YC, chỉ từng vế cho cả lớp đọc  - 1 HS đọc mẫu câu: Tay vượn, nguều ngoào  - HS làm bài trong VBT  - HS đọc mẫu câu  *- a-2 : mèo – ngoao ngoao*  *- b-4: tay vượn – nguều ngoào*  *- c-5: dây buồm – ngoằn ngoèo*  *- d-3: sóc – bâng khuâng*  *- e-1: sóng – ì oạp*  Về đọc lại bài đọc cho người thân nghe. |

*Thứ tư ngày 17 tháng 3 năm 2021*

**TẬP VIẾT** (sau bài 136, 137) ( 2 tiết)

**BÀI: oeo, oao, uâng, uyp, uyu, ngoằn ngoèo, nguều ngoào, bâng khuâng, đèn tuýp, khúc khuỷu**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng các vần **oeo, oao, uâng, uyp, uyu**; từ ngữ **ngoằn ngoèo, nguều ngoào, bâng khuâng, đèn tuýp, khúc khuỷu** – kiểu chữ viết thường, cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc vần, tiếng, từ **oeo, oao, uâng, uyp, uyu**; từ ngữ **ngoằn ngoèo, nguều ngoào, bâng khuâng, đèn tuýp, khúc khuỷu**

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường cỡ nhỡ và nhỏ. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần **oeo, oao, uâng, uyp, uyu**; từ ngữ **ngoằn ngoèo, nguều ngoào, bâng khuâng, đèn tuýp, khúc khuỷu** (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Tạo tính tự bảo vệ sách vở sạch sẽ, rèn luyện chữ viết.

- Chăm chỉ: Yêu thích và ham học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ học cỡ vừa, cỡ nhỏ.

- Vở luyện viết 2, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  - GV nêu mục đích yêu cầu của bài học  **2. Luyện tập**  ***2.1. Viết chữ cỡ vừa***  ***2.2. Viết chữ cỡ vừa***  ***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***  **3. Củng cố, dặn dò**  GV nhận xét tiết học.  Nhắc HS tiếp tục luyện viết. | - Nghe GV giới thiệu bài  Cả lớp đọc các bài vần và từ ngữ (cỡ vừa): *oeo, ngoằn ngoèo, uêu, oao, nguều ngoào, uâng, bâng khuâng, uyp, đèn tuýp.*  HS quan sát GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả). GV có thể chia làm 2 chặng, mỗi chặng hướng dẫn học sinh viết 1 cặp vần, từ ngữ.  HS viết vào vở luyện viết, có thể chia thành mỗi chặng 1 cặp vần, từ ngữ.  Cả lớp đọc các bài vần và từ ngữ (cỡ vừa): *uyp, đèn tuýp, uyu, khúc khuỷu.*  HS quan sát GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả). GV có thể chia làm 2 chặng, mỗi chặng hướng dẫn học sinh viết 1 cặp vần, từ ngữ.  HS viết vào vở luyện viết, có thể chia thành mỗi chặng 1 cặp vần, từ ngữ.  Cả lớp đọc từ ngữ (cỡ nhỏ): *uyp, đèn tuýp, uyu, khúc khuỷu.*  HS quan sát GV hướng dẫn HS viết các chữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ y, p, t, k, h; khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang một chữ o.  HS viết tiếp vào vở luyện viết; Hoàn thành phần luyện tập thêm.  Nhận xét, chấm bài 1 số vở. |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**VỆ SINH NHÀ CỬA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được một số công việc khi vệ sinh nhà cửa và đồ dùng cần thiết để thực hiện công việc đó.

- Thực hiện được một số việc làm cụ thể như lau dọn nhà cửa sạch sẽ, sắp xếp đồ dùng gọn gàng để vệ sinh nhà cửa.

- Có ý thức và thái độ làm việc nhà để giúp đỡ cha mẹ, người thân.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ khi nói về việc chăm sóc, dọn dẹp nhà cửa cho người thân.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

+ Tham gia tích cực vào hoạt động kế hoạch việc chăm sóc, dọn dẹp nhà cửa cho người thân.

- Năng lực định hướng nghề nghiệp:

+ Hình thành được trách nhiệm khi tham gia việc chăm sóc, dọn dẹp nhà cửa cho người thân.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái( PC1): Biết quan tâm, chia sẻ công việc nhà với người thân đủ và vừa sức với mình.

- Chăm chỉ( PC3)**:** Tích cực học tập.

- Trách nhiệm( PC4)**:** Có ý thức trách nhiệm về những việc mình đã nêu đã làm để thực hiện cho tốt. Biết kết hợp với các bạn trong nhóm hoàn thành tốt các yêu cầu của GV. Chấp hành tốt các quy định khi tham gia các phong trào của trường lớp.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Đồ dùng để HS thực hành vệ sinh nhà cửa như: chổi quét nhà, chổi lau nhà, khăn lau, găng tay, nước rửa kính.

- Tranh ảnh về các dụng cụ, đồ dùng trong nhà.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu công việc vệ sinh nhà cửa. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Biết được một số công việc khi vệ sinh nhà cửa và đồ dùng cần thiết để thực hiện công việc đó.  - Thực hiện được một số việc làm cụ thể như lau dọn nhà cửa sạch sẽ, sắp xếp đồ dùng gọn gàng để vệ sinh nhà cửa. | |
| **Hoạt động 1:** **Kể tên dụng cụ lau dọn nhà** | |
| ***\* Mục tiêu:*** | |
| - HS kể tên được một số đồ dùng, dụng cụ dùng để vệ sinh nhà cửa. Kể tên được những công việc cụ thể để vệ sinh nhà cửa. | |
|  | ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho HS các nhóm nhận bộ tranh về các dụng cụ, đồ dùng trong gia đình (có thể dùng hình ảnh trong SGK).  - Cho HS thảo luận phân loại tranh vẽ đồ dùng để lau dọn nhà và tranh không vẽ đồ dùng lau dọn nhà.  - Nhóm trưởng lên nhận bộ dụng cụ.  - Thảo luận với bạn trong nhóm để phân loại tranh thành 2 nhóm: tranh vẽ đồ dùng để lau dọn nhà và tranh không vẽ đồ dùng lau dọn nhà.  - Nói với các bạn trong nhóm về tên gọi và công dụng của mỗi đồ dùng được vẽ trong tranh.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ. |
| \*GV kết luận.  - Để vệ sinh nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng chúng ta cần sử dụng nhiều loại đồ dùng dụng cụ khác nhau như: chổi quét nhà, chổi lau nhà, khăn lau bàn ghế, nước lau nhà. nước rửa kính. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** | |
| **Hoạt động 2. Tập làm vệ sinh nhà cửa** | |
| ***\* Mục tiêu:***  - HS biết kể tên những công việc nhà và biết một số đồ dùng, dụng cụ lao động được dùng khi làm việc nhà.  - HS biết những công việc nhà mình có thể làm để giúp đỡ bố mẹ và để tự phục vụ bản thân. | |
|  | ***\* Cách tiến hành :***  - GV hướng dẫn HS:  + Vẽ tranh ngôi nhà của em.  + Đánh dấu (x) vào những vị trí cần dọn trong nhà.  + Nói với bạn bên cạnh em những việc cần làm khi dọn nhà.  - GV sắp xếp các góc lớp thành các góc mô phỏng một gia đình, đồ dùng chưa được sắp xếp gọn gàng.  - GV hướng dẫn HS:  + Chia thành các nhóm.  + Mỗi nhóm đóng vai là các thành viên trong gia đình.  + Các thành viên trong gia đình phân công nhau để dọn dẹp nhà cửa.  + Sau khi dọn dẹp xong, HS giới thiệu về công việc em đã làm để nhà của em trở nên gọn gàng, sạch đẹp.  - Thực hiện theo hướng dẫn của GV.  + HS vẽ ngôi nhà của mình.  + Thực hành đánh dấu : bếp, nhà tắm,…  + Chia sẻ những việc cần làm khi dọn nhà.  - HS tham gia sắp xếp cùng GV.  + Chia nhóm  + HS đóng vai theo sự phân công  + Thực hiện sự phân công dọn dẹp nhà cửa.  + Lần lượt lên chia sẻ. |
| ***\* Kết luận:***  - Để vệ sinh nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng em cần thực hiện các công việc sau: quét nhà, lau nhà, lau bàn ghế, cửa kính. Khi dọn nhà em cần lưu ý: đeo khẩu trang, đi găng tay để bảo vệ sức khỏe của bản thân. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về các công việc khi vệ sinh nhà cửa. | - Lắng nghe |

*Thứ năm ngày 18 tháng 3 năm 2021*

**TIẾNG VIỆT: ÔN TẬP GIỮA KÌ 2**

( 3 tiết- soạn luôn cả tiết buổi chiều)

**ĐÁNH GIÁ – ĐỌC THÀNH TIẾNG**

**I. MUC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đọc một đoạn văn, thơ khoảng 40 chữ chứa vần đã học.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc một đoạn văn, thơ khoảng 40 chữ chứa vần đã học, bài Tập đọc: Mời vào, Hươu cao cổ dạy con, Ngựa vằn nhanh trí hoặc các bài Truyện đọc lớp 1.

+ Viết: ( NN2):

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe ( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

Hiểu các bài đọc có những nhân vật nào, thể loại văn xuôi hay thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái:( PC1): Yêu quý tính cách tốt của các nhân vật trong bài đọc.

- Chăm chỉ( PC2): Hứng thú và thích thú khi tham gia kiểm tra đọc thành tiếng.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Làm thăm để học sinh bốc thăm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  Giới thiệu các bài thi đọc.  **2. Chia sẻ, khám phá**  ***2.1. Bài: Mời vào***  - GV cho thăm theo từng đoạn.  ***2.2. Bài: Hươu cao cổ dạy con***, **Ngựa vằn nhanh trí, các bài trọng Truyện đọc 1**    **3. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học | Cả lớp lắng nghe.  Học sinh đọc từng đoạn và trả lời câu hỏi.  Cách thức tương tự như bài “Mời vào”.  HS có thể phân tích một tiếng nào bất kì theo yêu cầu của GV.  HS được đánh giá ngay tại lớp, HS nào chưa đạt sẽ được ôn luyện để đánh giá lại.  Chuẩn bị cho bài kiểm tra đọc hiểu, viết. |

**TOÁN: Bài 76: Luyện tập chung**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:

- So sánh và xếp thứ tự các số trong phạm vi 100.

- Lắp ghép hình theo yêu cầu.

- Viết được phép tính phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học( NL1):

+ Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận về các số có hai chữ số.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học( NL2):

+ Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề về các số có hai chữ số.

- Năng lực giao tiếp toán học( NL3):

Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: Tự giác và chịu trách nhiệm những vấn đề mình quyết định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK Toán 1. Vở bài tập Toán 1.

- Bộ đồ dùng toán học.

- Phiếu bài tập ghi nội dung BT5, 2 bảng phụ ghi nội dung phần củng cố.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **HĐ1. Khởi động:**  GV nhận xét, tuyên dương.  **HĐ2. Thực hành – luyện tập**  **Bài 1. Số? - SGK trang 64**  GV nhận xét, chốt ý.  **Bài 2. SGK trang 64**  <, >, =  Nhận xét, chốt đáp án.  **Bài 3: SGK trang 64**  GV nhận xét , chốt ý đúng.  **Bài 4.** Cho 4 mảnh gỗ hình tam giác giống nhau**: SKG trang 65**  Hãy ghép 4 mảnh gỗ đó để được hình dưới đây  GV nhận xét, tuyên dương.  **HĐ3: Vận dụng**  **Bài 5 - SGK trang 65**  GV nhận xét, chốt đáp án.  **HĐ4: Củng cố** | HS chơi trò chơi: Gọi thuyền  Thuyền nào được gọi thì phải trả lời câu hỏi .( Số có hai chữ số lớn nhất là số nào? , Trong các số 23, 12, 8 thì số nào là số có 2 chữ số?....)  HS nêu yêu cầu bài toán.  HS tự làm BT1.  a. Số gồm 3 chục và 2 đơn vị viết là: 32  b. Số gồm 8 chục và 5 đơn vị viết là: 85  c. Số gồm 4 chục và 0 đơn vị viết là: 40  HS yêu cầu bài toán.  HS làm vở bài tập và nêu kết quả so sánh.  75 59 34 46  14 + 3 17 12 16 - 6  HS yêu cầu bài toán.  HS làm vở bài tập và nêu kết quả xếp và giải thích vì sao làm như vậy?  a. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 25, 74, 9, 86.  b. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 82, 29, 100,47.  HS đọc yêu cầu bài toán.  Học sinh làm bài theo hình thức nhóm đôi, thảo luận, thử lắp ghép để được hình theo mẫu.  Đã có:  Ghép thành:  C:\Users\Administrator\Downloads\IMG20210311202147.jpg  HS đọc đề bài toán.  HS thảo luận theo hình thức thảo luận nhóm 4 và thực hiện trong phiếu bài tập.  Các nhóm thực hiện trong phiếu bài tập. Đại diện nhóm trình bày, mời bạn nhận xét.  **Trò chơi: Tiếp sức**  Ghi nội dung so sánh số có hai chữ số trong hai bảng phụ.  GV nêu luật chơi.  Phát lệnh chơi.  Phát lệnh hết giờ.  HS tham gia trò chơi  Hai đội dừng. Đại diện đội trình bày sản phẩm của đội mình, mời đội bạn nhận xét, bổ sung(nếu cần) |

*Thứ sáu ngày 19 tháng 3 năm 2021*

**TIẾNG VIỆT ÔN TẬP GIỮA KÌ 2**

**ĐỌC HIỂU, VIẾT**

( soạn luôn cả tiết buổi chiều – 3 tiết)

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Đọc đúng một đoạn thơ, văn trong bài kiểm tra thử( Đọc thành tiếng).

- Hoàn thành bài đánh giá( đọc hiểu, viết): Làm đúng các bài tập nối ghép, đọc hiểu; BT điền chữ ( *ng hay ngh*). Chép đúng một khổ thơ, mắc không quá một lỗi.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng một đoạn thơ, văn trong bài kiểm tra thử.

+ Viết: ( NN2): Chép đúng một khổ thơ, mắc không quá một lỗi.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học: Biết cảm nhận được tính cách của các con vật, nhân vật qua các bài đọc thành tiếng.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước( PC1): yêu cảnh vật thiên nhiên, các loài vật mang lại những điều thú vị.

- Chăm chỉ( PC2): Yêu thích và có hứng thú với môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- VBT TV1, tập 2.

- Vở Luyện viết 1, tập 2.

- Phiếu photo đánh giá kĩ năng đọc hiểu, viết của HS

- Bài chép mẫu cho học sinh nhìn chép.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  **2. Tìm hiểu đề bài**  **Bài tập 1. Nối từ ngữ với hình**  **Bài tập 2. Đọc thầm**  **Bài tập 1. Điền chữ ng hoặc ngh**  **Bài tập 2. Tập chép**  GV chữa bài cho học sinh.  GV tham khảo cách ra BT trong Bài luyện đọc hiểu, viết(SGK) để ra đề kiểm tra cho học sinh.  GV thu bài chấm, chữa. | PHẦN A – ĐỌC  Nêu yêu cầu của BT: Nối từ ngữ với hình  H1- hươu sao  H2 – trăng khuyết  H3 - đêm khuya  H4 – thuyền buồm  H5- suối chảy  H6 - ảo thuật  HS làm vào vở BT.  Nhận xét bài làm và chốt kết quả nối đúng.  HS nêu yêu cầu.  Hs đọc để hoàn thành hai câu văn.  HS báo cáo kết quả.  Các con của thỏ mẹ rất ngoan ( hiếu thảo). Thỏ mẹ rất cảm động( hạnh phúc).  PHẦN B – VIẾT  HS nêu yêu cầu.  HS nhắc lại quy tắc viết chính tả.  HS làm vào vỏe BT.  Cô thỏ làm việc vất vả, chẳng ***ngh***ỉ ngơi. Tấm thiếp ngộ ***ngh***ĩnh của các con làm cho cô thỏ ***ng***ạc nhiên, cảm động, bao mệt nhọc tan biến mất.  HS chú ý giáo viên nhắc nhở:  - Bài không mắc quá một lỗi.  - Viết đủng kiểu thơ 4 chữ, 4 dòng.  HS chép bài:  Mẹ gà hỏi con:  -Ngủ chưa đấy hả?  Cả đàn nhao nhao:  -Ngủ rồi đấy ạ.  Phạm Hổ  Lớp nhận xét một số bài viết của bạn.  BÀI KIỂM TRA  HS làm bài kiểm tra. |

**TOÁN Bài 77: Đồng hồ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:

- Bước đầu đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

- Bước đầu liên hệ được giờ với các việc diễn ra trong ngày.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học( NL1):

+ Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận học về đồng hồ.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học( NL2):

+ Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề khi học về đồng hồ.

- Năng lực giao tiếp toán học( NL3):

Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: Tự giác và chịu trách nhiệm những vấn đề mình quyết định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK Toán 1. Vở bài tập Toán 1.

- Mô hình đồng hồ của HS.

- Tranh vẽ đồng hồ phóng to hoặc mô hình đòng hồ để làm việc chung cả lớp.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của học sinh** |
| **HĐ1. Khởi động:**  GV gợi mở hướng dẫn HS tới việc xác định thời gian để học sinh đi học, bố mẹ đi làm đúng giờ liên hệ tới việc sư dụng đồng hồ để xem thời gian.  **HĐ2. Hình thành kiến thức mới:**  **Xem đồng hồ**  **a**/GV giới thiệu đồng hồ.  GV sử dụng mô hình đồng hồ để giới thiệu đồng hồ, mặt đồng hồ, kim ngắn (kim giờ), kim dài (kim phút).  b/ Xem giờ đúng  - GV cho kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 2. Hướng dẫn khi kim dài chỉ vào vạch số 12 và kim ngắn chỉ vào vạch số 2, ta nói đồng hồ chỉ 2 giờ.  - GV cho kim ngắn ( kim giờ) chỉ lần lượt vào số 7, 6, 3 giữ nguyên kim dài (kim phút) chỉ số 12, yêu cầu HS cho biết đồng hồ chỉ mấy giờ.  - GV cho HS quan sát tranh vẽ, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mô tả trong từng tranh vẽ, đồng hồ chỉ mấy giờ và bạn HS trong tranh đang làm gì?  - Các nhóm HS trao đổi và nêu mô tả của mình.  Lúc 6 giờ sáng bạn Hs tập thể dục. Lúc 7 giờ sáng bạn HS ăn sáng. Lúc 8 giờ sáng bạn HS học ở trường(lớp).  **HĐ3. Thực hành luyện tập**  **Bài 1. Đ - S**    **Bài 2. Số?**  **Bài 3. Đọc giờ trên mỗi đồng hồ:**    **HĐ 4. Vận dụng**  **Bài 4. Ngày hôm qua, em làm gì vào:**  **HĐ 5. Củng cố** | HS: trò chuyện trả lời câu hỏi GV  HS: nhận xét  HS: lấy mô hình đồng hồ cá nhân để cùng theo dõi.  HS: quan sát tranh vẽ, thảo luận theo nhóm mô tả trong từng tranh vẽ, đồng hồ chỉ mấy giờ và bạn HS trong tranh đang làm gì?  HS: Các nhóm trao đổi và nêu mô tả lúc 6 giờ sáng bạn Hs tập thể dục. Lúc 7 giờ sáng bạn HS ăn sáng. Lúc 8 giờ sáng bạn HS học ở trường(lớp).  HS: Đọc yêu cầu và phân tích đề theo hướng dẫn của GV  HS phân tích đề bài.  Trong SGK có vẽ các đồng hồ và ở bên dưới đã có bạn viết kết quả xem đồng hồ tương ứng. Hãy kiểm tra và cho biết cách xem đồng hồ nào đúng, kết quả xem nào sai.  - HS làm việc theo nhóm đôi vào vở bài tập Toán. HS báo cáo kết quả và các bạn nhận xét.  HS nêu kết quả làm bài và giải thích.  Chú ý: Đồng hồ thứ hai, kim ngắn chỉ số 6, kim dài chỉ số 12 nên kết quả không phải là 12 giờ mà là 6 giờ.  HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán nhìn đồng hồ rồi viết kết quả xem đồng hồ tương ứng. các ban kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau.  HS làm việc theo nhóm đôi vào vở bài tập Toán. HS báo cáo kết quả và các bạn nhận xét.  Nêu kết quả làm bài và giải thích.  Đọc yêu cầu và phân tích đề  HS quan sát các đồng hồ, sau đó từng HS đọc giờ trên mỗi đồng hồ. Cả lớp nhận xét câu trả lời. Hs hoàn thiện bài vào Vở bài tập Toán.  Tự làm bài vào Vở bài tập Toán nhìn đồng hồ rồi viết kết quả xem đồng hồ tương ứng. các ban kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau.  1 giờ, 2 giờ, 9 giờ, 4 giờ, 12 giờ, 5 giờ, 7 giờ, 3 giờ, 6 giờ.  a. Buổi sáng, lúc 9 giờ?  b. Buổi chiều, lúc 4 giờ?  c. Buổi tối, lúc 8 giờ?  Đọc yêu cầu và phân tích đề  HS làm việc theo nhóm đôi, hỏi nhau và viết câu trả lời vào vở bài tập Toán.  Một số HS trả lời trước lớp.  HS tập quay đồng hồ đúng do GV chỉ định 5 giờ, 3 giờ, 10 giờ, 7 giờ, 12 giờ, 6 giờ….. HS quay kim ngắn ( kim ngắn chỉ số 12) ở mô hình đồng hồ cá nhân theo chỉ định của GV, các bạn kiểm tra chéo kết quả của nhau. |

**Buổi chiều:**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT LỚP**

**CHIA SẺ VIỆC LÀM TỐT GIÚP GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- HS có khả năng tự liên hệ để nhận xét, đánh giá hành vi đã làm được và chưa làm được trong cuộc sống hằng ngày để giúp đỡ gia đình.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

- NL giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

- NL GQVĐ và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ khi nói về việc chăm sóc, dọn dẹp nhà cửa cho người thân.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

+ Tham gia tích cực vào hoạt động kế hoạch việc chăm sóc, dọn dẹp nhà cửa cho người thân.

- Năng lực định hướng nghề nghiệp:

+ Hình thành được trách nhiệm khi tham gia việc chăm sóc, dọn dẹp nhà cửa cho người thân.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái( PC1): Biết quan tâm, chia sẻ công việc nhà với người thân đủ và vừa sức với mình.

- Chăm chỉ( PC3)**:** Tích cực học tập.

- Trách nhiệm( PC4)**:** Có ý thức trách nhiệm về những việc mình đã nêu đã làm để thực hiện cho tốt. Biết kết hợp với các bạn trong nhóm hoàn thành tốt các yêu cầu của GV. Chấp hành tốt các quy định khi tham gia các phong trào của trường lớp.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định:**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 26**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 27***  ***2.3. Chia sẻ việc làm tốt giúp gia đình***  - GV tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh giúpđỡ gia đình của các bạn  (có thể sử dụng các hình ảnh trong SGK).  - GV gợi ý cho HS liên hệ qua các câu hỏi:  + Em đã làm gì để giúp đỡ gia đình?  + Mọi người trong gia đình có thái độ như thế nào khi em thực hiện những việc làm đó?  + Em có vui khi làm được những việc để giúp đỡ gia đình không? Vì sao?  +Em sẽ tiếp tục làm những việc gì để giúp đỡ gia đình? | Cả lớp cùng hát.  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi.  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi.  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi.  Toàn có cố gắng trong học tập.  Hoài An, Trân, Quỳnh Trâm, Oanh siêng phát biểu.  An Khang có ý kiến xây dựng bài rất hay.  Bích Trâm còn quên vở ở nhà.  Hải Đăng trang phục chưa gọn gàng.  Một số bạn kiểm tra đọc kết quả chưa cao.  Thực hiện học tuần 27, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  - Duy trì tập thể dục giữa giờ.  - Tiếp tục học toán về đồng hồ và thời gian.  - Môn Tiếng Việt bắt đầu học cho phần mới.  - Tiếp tục hoạt động theo chủ điểm của tháng, tuần.  - Đánh giá hoạt động của tuần.  - HS quan sát.  - Từng cặp HS trao đổi, liên hệ với nhau về những việc đã làm được để giúp đỡ  gia đình.  + HS đưa ra các công việc đã giúp đỡ gia đình.  + HS nói về thái độ của mọi người.  + HS nói về cảm giác của mình khi đó.  + Chia sẻ những việc sẽ làm để giúp đỡ gia đình.  - Một số cặp HS chia sẻ trước lớp về những tình cảm và việc làm mà bản thân  đã làm được và những dự định mong muốn sẽ làm tiếp để giúp đỡ gia đình.  HS chia sẻ trước lớp. |